

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Văn học**

Tên tiếng Anh: **Literature**

Tên chuyên ngành: **Báo chí (Journalism)**

Mã ngành: **7229030**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

Số: 178/QĐ-ĐHQN

Bình Định, ngày 21 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo (sửa đổi, cập nhật)
trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về việc thành lập cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn; Quyết định số 02/HĐBT ngày 13/7/1981 về việc thành lập Trường ĐHSP Quy Nhơn; Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 3421/QĐ-ĐHQN ngày 10/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quy định về xây dựng, phát triển chương trình đào tạo và quy trình mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo (sửa đổi, cập nhật) trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ 43 ngành trong danh sách kèm theo.

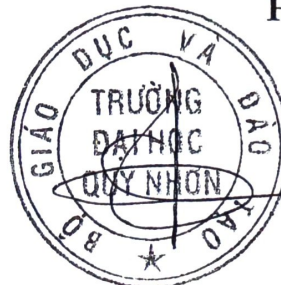
Điều 2. Các chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật có tên trong Điều 1 được thực hiện cho các khóa tuyển sinh từ năm 2020.

Điều 3. Các Trưởng khoa, Trưởng đơn vị liên quan và toàn thể giảng viên, sinh viên thuộc Trường Đại học Quy Nhơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ



**DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1783 /QĐ-ĐHQN ngày 18/10/2020)

STT	Tên ngành đào tạo	Mã số ngành đào tạo	Tổng số tín chỉ toàn khoá (chưa bao gồm 03 tín chỉ GDTC và 09 tín chỉ GDQP – AN).
1	Sư phạm Toán học	7140209	138
2	Sư phạm Vật lý	7140211	138
3	Sư phạm Hóa học	7140212	138
4	Sư phạm Sinh học	7140213	138
5	Sư phạm Tin học	7140210	138
6	Sư phạm Ngữ văn	7140217	138
7	Sư phạm Lịch sử	7140218	138
8	Sư phạm Địa lý	7140219	138
9	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	138
10	Giáo dục Chính trị	7140205	138
11	Giáo dục Tiểu học	7140202	138
12	Giáo dục Thể chất	7140206	138
13	Giáo dục mầm non	7140201	138
14	Toán ứng dụng	7460112	135
15	Thống kê	7460201	135
16	Công nghệ thông tin	7480201	135
17	Hóa học	7440112	135
18	Quản lý đất đai	7850103	135
19	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	135
20	Sinh học ứng dụng	7420203	135
21	Quản lý giáo dục	7140114	135
22	Văn học	7229030	135
23	Quản lý nhà nước	7310205	135
24	Tâm lý học giáo dục	7310403	135
25	Công tác xã hội	7760101	135
26	Đông phương học	7310608	135
27	Việt Nam học	7310630	135
28	Luật	7380101	135
29	Ngôn ngữ Anh	7220201	135
30	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	135
31	Kinh tế	7310101	135
32	Kế toán	7340301	135
33	Kiểm toán	7340302	135
34	Quản trị kinh doanh	7340101	135
35	Tài chính - Ngân hàng	7340201	135

36	Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành	7810103	135
37	Quản trị khách sạn	7810201	135
38	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	7510401	150
39	Nông học	7620109	150
40	Kỹ thuật điện	7520201	150
41	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	7520207	150
42	Kỹ thuật xây dựng	7580201	150
43	Kỹ thuật phần mềm	7480103	150

Danh sách có 43 ngành./

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1783/QĐ-ĐHN ngày 21 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: **Văn học**

Mã ngành: 7229030

Tên tiếng Anh: Literature

Tên chuyên ngành: *Báo chí*

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hình thức đào tạo: Tập trung

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Văn học (chuyên ngành Báo chí) hướng đến việc đáp ứng những mục tiêu, chiến lược giáo dục trong tình hình mới; phù hợp với những yêu cầu đào tạo đội ngũ nhân lực ngành văn học theo định hướng truyền thông, báo chí có phẩm chất đạo đức chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn cao và kỹ năng nghề nghiệp thích ứng với các yêu cầu của xã hội.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Văn học (chuyên ngành Báo chí)
2. Mã ngành đào tạo	7229030
3. Trường cấp bằng	Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân Văn học (chuyên ngành Báo chí)
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	135 tín chỉ (chưa bao gồm 03 tín chỉ GDTC và 09 tín chỉ GDQP-AN)
7. Khoa quản lý	Khoa KHXH & NV
8. Hình thức đào tạo	Chính quy tập trung

9. Thời gian đào tạo	04 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Toàn quốc
11. Thang điểm đánh giá	Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần
12. Điều kiện tốt nghiệp	Điều kiện tốt nghiệp: Đảm bảo các quy định về chuyên môn, môn điều kiện, chuẩn ngoại ngữ, tin học
13. Vị trí việc làm	<p><i>Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Văn học (Báo chí) có thể:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trở thành phóng viên, biên tập viên, thư ký tại các toà soạn báo chí, cơ quan truyền hình và trung tâm truyền thông ở trung ương và địa phương. - Tham gia công tác chuyên môn tại các viện, các trung tâm nghiên cứu, các cơ quan văn hóa, các cơ quan đoàn thể xã hội cần sử dụng hoặc có liên quan đến kiến thức văn học và báo chí. - Tham gia công tác giảng dạy Ngữ văn tại các cơ sở giáo dục. Tham gia các hoạt động trong các tổ chức báo chí, truyền thông.
14. Học tập nâng cao trình độ	Có đủ khả năng để tiếp tục học lên trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ Ngữ văn – báo chí
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Báo chí của Trường Đại học KHXH& NV, ĐHQG Hà Nội; Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Báo chí của Khoa Báo chí và truyền

	thông Đại học KHXH& NV, ĐHQG Tp.HCM; Chương trình đào tạo chuyên ngành Văn Báo chí của Đại học Duy Tân; Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Báo chí của Học viện Báo chí và Tuyên truyền
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Bản mô tả được định kỳ rà soát và cập nhật 2 năm/lần

1.3. Sứ mệnh – Tầm nhìn – Triết lý giáo dục

Trường Đại học Quy Nhơn đã được cấp Giấy kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, theo Quyết định số 120/QĐCEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD – Đại học Đà Nẵng.

1.3.1. Sứ mệnh, Tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn

Sứ mệnh: “Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ – Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội”.

Tầm nhìn: “Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế”.

Giá trị cốt lõi: “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn”.

1.3.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Triết lý giáo dục: “Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp”.

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành Văn học (chuyên ngành Báo chí)

Chương trình đào tạo ngành Văn học (chuyên ngành Báo chí)				Triết lý giáo dục của DQN		
				Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến	Khôi	kiến	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		

thức trong chương trình đào tạo	thức đại cương	Các học phần KHXH, Ngoại ngữ, Tin học		X	X
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết	X	X	
	Khối kiến thức chuyên ngành	Các học phần lý thuyết	X	X	
		Các học phần thực tập, thực tế	X		X
	Khóa luận tốt nghiệp			X	X
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên		X	X	X
	Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng sáng tạo		X	X	X
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)		X		
	Hiến máu nhân đạo		X		
	Hoạt động vì người nghèo		X		
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Hiểu, vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và quốc phòng – an ninh, thể dục thể thao trong hoạt động nghề nghiệp báo chí, truyền thông.	X		X
	PLO2	Hiểu và vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ, văn học và báo chí trong các hoạt động nghề nghiệp.	X	X	X
	PLO3	Vận dụng, phân tích, đánh giá được kiến thức cơ sở ngành về văn học và ngôn ngữ.		X	X
	PLO4	Hiểu, vận dụng một cách linh hoạt kiến thức ngữ văn trong các lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội và hoạt động chuyên môn ở cương vị công tác do cá nhân phụ trách.	X	X	X
	PLO5	Hình thành được những kỹ năng cần thiết trong các hoạt động quốc phòng – an ninh, thể dục thể thao	X		X
	PLO6	Thực hiện được các hoạt động truyền thông theo yêu cầu công việc, vị trí việc làm		X	X
	PLO7	Đạt chuẩn đầu ra tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và ứng dụng được công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp	X	X	X

PLO8	Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và sử dụng được ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn.	x	x	x
PLO9	Có kỹ năng phản biện, giải quyết vấn đề và thích ứng trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp của người làm báo chí, truyền thông và các hoạt động văn học nghệ thuật.		x	x
PLO10	Có kỹ năng thiết kế và thực hiện các bản tin, bài viết, bài phóng sự và những hoạt động truyền thông khác.		x	x
PLO11	Hiểu và thực hiện đúng các quy định về phẩm chất của phóng viên, người làm báo, hoạt động truyền thông.	x		x
PLO12	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm	x	x	x
PLO13	Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	x	x	x
PLO14	Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động nghề nghiệp	x	x	x

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Văn học (chuyên ngành Báo chí) hướng đến việc đáp ứng những mục tiêu, chiến lược giáo dục trong tình hình mới; phù hợp với những yêu cầu đào tạo đội ngũ nhân lực ngành văn học theo định hướng truyền thông, báo chí có phẩm chất đạo đức chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn cao và kỹ năng nghề nghiệp thích ứng với các yêu cầu của xã hội.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

* Về kiến thức

+ PO1: Trang bị kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất và quốc phòng- an ninh...

+ PO2: Trang bị kiến thức mang tính hệ thống và sâu rộng về văn học và báo chí truyền thông hiện đại.

* Về kỹ năng

+ PO3: Hình thành các kỹ năng cần thiết trong các hoạt động quốc phòng – an ninh, thể dục thể thao

+ PO4: Hình thành kỹ năng thiết kế và trình bày các bài viết, bản tin, bài phỏng vấn, phóng sự; kỹ năng phản biện, giải quyết vấn đề và thích ứng trong thực tiễn của hoạt động nghề nghiệp.

+ PO5: Hình thành kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong các hoạt động nghề nghiệp.

* Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO6: Rèn luyện phẩm chất của người làm báo, hoạt động truyền thông.

+ PO7: Rèn khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, học tập ở trình độ cao hơn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; rèn năng lực lập kế hoạch, thích ứng, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; trau dồi khả năng làm việc nhóm, trách nhiệm với nhóm và phát huy trí tuệ tập thể.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

1.5.1. Về kiến thức

* Kiến thức chung

- PLO1: Hiểu, vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất và quốc phòng- an ninh, thể dục thể thao trong hoạt động nghề nghiệp báo chí, truyền thông.

- PLO2: Hiểu và vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ, văn học và báo chí trong các hoạt động nghề nghiệp.

* Kiến thức chuyên môn

- PLO3: Vận dụng, phân tích, đánh giá được kiến thức cơ sở ngành về văn học, ngôn ngữ.

- PLO4: Hiểu, vận dụng một cách linh hoạt kiến thức ngữ văn trong các lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội và hoạt động chuyên môn ở cương vị công tác do cá nhân phụ trách.

1.5.2. Về kỹ năng

* Kỹ năng chung

- PLO5: Hình thành những kỹ năng cần thiết trong các hoạt động quốc phòng – an ninh, thể dục thể thao

- PLO6: Thực hiện được các hoạt động truyền thông theo yêu cầu công việc, vị trí việc làm

- PLO7: Đạt chuẩn đầu ra tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và ứng dụng được công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp

- PLO8: Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và sử dụng được ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn.

* *Kỹ năng chuyên môn*

- PLO9: Có kỹ năng phân biện, giải quyết vấn đề và thích ứng trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp của người làm báo chí, truyền thông

- PLO10: Có kỹ năng thiết kế và thực hiện các bản tin, bài viết, bài phóng sự và những hoạt động truyền thông khác.

1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- PLO11: Hiểu và thực hiện đúng các quy định về phẩm chất của phóng viên, người làm báo, hoạt động truyền thông.

- PLO12: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm

- PLO13: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân

- PLO14: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động nghề nghiệp

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	.5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
PO1	x	x												
PO2	x	x	x	x										
PO3	x				x									
PO4						X			x	x			x	
PO5							x	x						
PO6										x	x	x	x	x
PO7												x	x	x

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- *Chuẩn bị của giảng viên:*

Giảng viên chuẩn bị tốt các nội dung phục vụ cho việc giảng dạy, các tài liệu tham khảo, đề tài, vấn đề nghiên cứu cần thảo luận, tương tác; chuẩn bị các phương tiện, phương pháp giảng dạy phù hợp, hiệu quả...

- Các phương pháp giảng dạy - học tập

Sử dụng kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp giảng dạy – học tập: Dạy trực tiếp, gián tiếp, trải nghiệm, tương tác, tự học phù hợp với đối tượng và chương trình đào tạo, nội dung bài giảng.

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I. Dạy trực tiếp														
1. Thuyết giảng	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Tham luận	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
II. Dạy gián tiếp														
3. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
4. Giải quyết vấn đề	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
5. Học theo tình huống	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
III. Học trải nghiệm														
6. Thực tập, thực tế	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
IV. Dạy học tương tác														
7. Thảo luận	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
8. Học nhóm	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
V. Tự học														
9. Bài tập ở nhà	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x

- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học:

Mở rộng các hoạt động thực hành, thực tập ở các cơ quan báo chí, truyền thông trong và ngoài tỉnh để nâng cao, tăng cường chất lượng dạy và học chuyên ngành.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

***Thang điểm đánh giá:**

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

*** Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Chuyên cần	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i> <i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.</i>	10%
2	Quá trình	<i>Tùy theo đặc thù của học phần mà giảng viên có thể cho sinh viên thực hiện 1 hoặc kết hợp các hoạt động sau đây:</i> <i>- Làm 1 bài kiểm tra cá nhân. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra sẽ được giảng viên nêu cụ thể.</i> <i>- Làm các bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn, hoặc bài thực hành nếu học phần có cả lý thuyết và thực hành theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn, ... sẽ được giảng viên nêu cụ thể</i>	20%
3	Cuối kỳ	<i>Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết/vấn đáp/...; Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề</i>	70%

b.Học phần thực tế

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi thực tế. Điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực tế.

c.Học phần khóa luận tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN ngày 15/5/2014 của Trường Đại học Quy Nhơn.

*** Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong CTĐT ngành Văn học (chuyên ngành Báo chí) được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng.

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I. Đánh giá tiến trình														
1. Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x			x	x			x	x	x	x
2. Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
3. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
II. Đánh giá tổng kết														
4. Kiểm tra viết	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Kiểm tra trắc nghiệm														
6. Bảo vệ và thi vấn đáp	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x
7. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
8. Đánh giá làm việc nhóm	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	36	
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	
1.2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – AN	12	
1.3.	Ngoại ngữ	07	
1.4.	Khoa học xã hội	4	
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	111	
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	24	
2.2.	Kiến thức ngành, chuyên ngành	38	8
2.3	Kiến thức bổ trợ	35	
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	06	
Tổng:		139	8
		147	

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 17 học phần (36 tín chỉ), giúp SV có những kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh, ngoại ngữ và khoa học xã hội đại cương; hình thành các kỹ năng, năng lực vận dụng, giải quyết các vấn đề chung

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 55 học phần (111 tín chỉ), giúp SV có những kiến thức chuyên sâu về văn học, ngôn ngữ và nghiệp vụ báo chí; hình thành các kỹ năng vận dụng và giải quyết các vấn đề chuyên môn sâu rộng.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Số TC	Tỉ lệ %	PLOs													
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	36	24,48	x	x	-	x	x	x	-	x	x	-	x	x	x	
1.1. Khoa học chính trị và pháp luật	13	36,1	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x	x	x
1.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – AN	12	33,3	x	-	-	-	x	-	-	-	-	-	x	-	-	-
1.3. Ngoại ngữ	07	19,4	x	x	-	-	-	x	-	x	-	-	-	-	-	x
1.4. Khoa học xã hội	04	11,2	x	x	-	x	-	x	-	-	x	-	x	x	x	x
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	111	75,51	x	x	x	x	x	x	x	-	x	x	x	x	x	x
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	27	24,3	x	x	x	x	-	x	x	-	x	x	x	x	x	x
2.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành	43	38,7	x	x	x	x	-	x	-	-	x	x	x	x	x	x
2.3. Kiến thức bổ trợ	35	31,5	x	x	x	x	-	x	-	-	x	x	x	x	x	x
2.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	06	5,5	x	x	x	x	-	x	-	-	x	x	x	x	x	x

2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương				24									
I.1. Khoa học chính trị và pháp luật				13									
1	1130299	Triết học Mác Lênin	1	3	40		10		85			LLCT -Luật và QLNN	
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	27		6		57	1130299		LLCT -Luật và QLNN	
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6		57	1130300		LLCT -Luật	

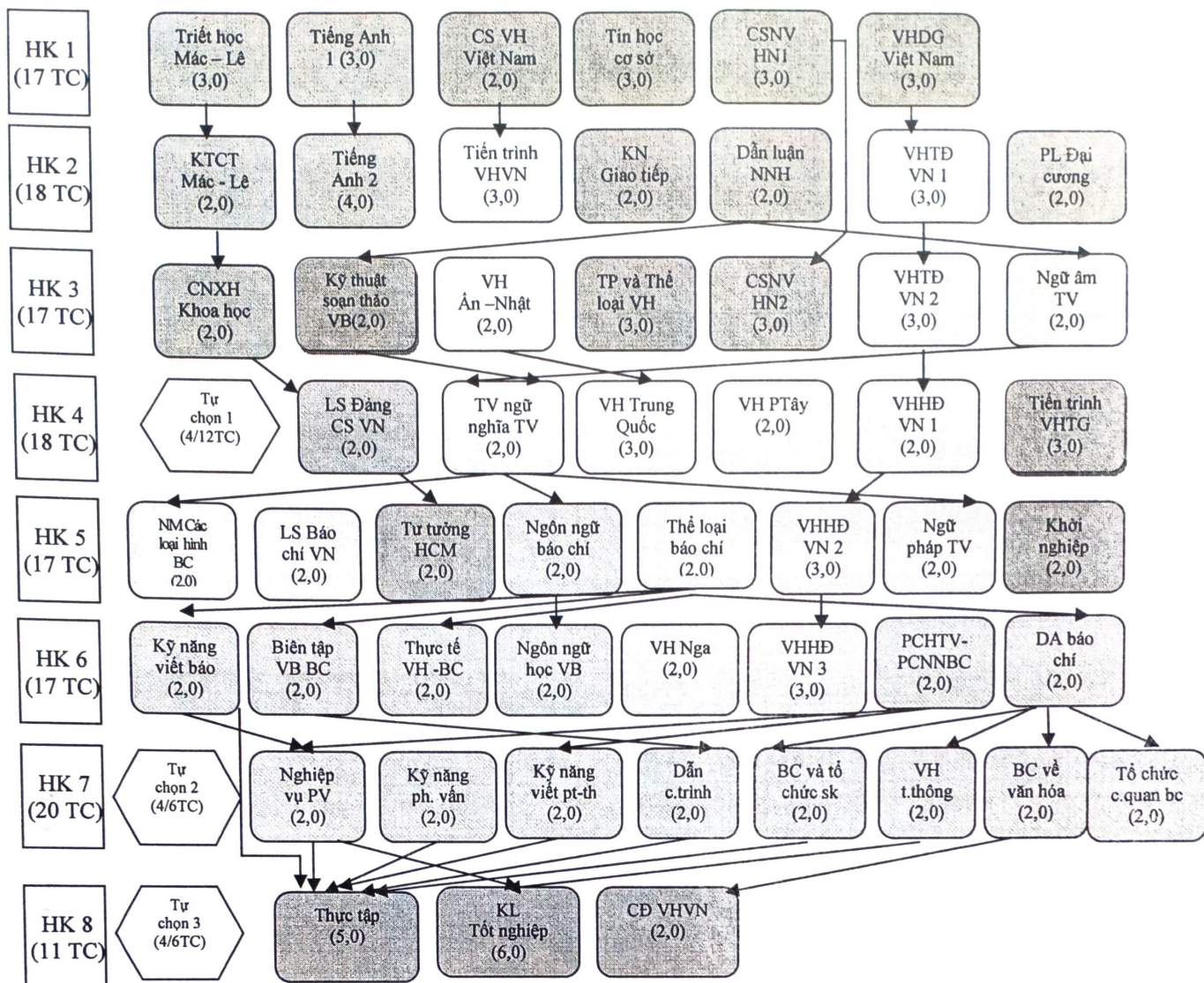
												và QLNN	
4	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6			57	1130302	LLCT -Luật và QLNN	
5	1130302	Lịch sử Đảng CSVN	4	2	27		6			57	1130091	LLCT -Luật và QLNN	
6	1130049	Pháp luật đại cương	2	2	27		6			57		LLCT -Luật và QLNN	
I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-AN													
<i>Học phần Giáo dục thể chất, sinh viên chọn 1 trong 7 nhóm sau:</i>													
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)(*)	1	1	4				26		21		GDTC-QP
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)	2	1	4				26		21	1120172	GDTC-QP
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)	3	1	4				26		21	1120173	GDTC-QP
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)	1	1	4				26		21		GDTC-QP
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)	2	1	4				26		21	1120175	GDTC-QP
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)	3	1	4				26		21	1120176	GDTC-QP
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)	1	1	4				26		21		GDTC-QP
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)	2	1	4				26		21	1120178	GDTC-QP
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)	3	1	4				26		21	1120179	GDTC-QP
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)	1	1	4				26		21		GDTC-QP
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)	2	1	4				26		21	1120181	GDTC-QP
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)	3	1	4				26		21	1120182	GDTC-QP
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*)	1	1	4				26		21		GDTC-QP
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*)	2	1	4				26		21	1120184	GDTC-QP
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*)	3	1	4				26		21	1120185	GDTC-QP
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)	1	1	4				26		21		GDTC-QP
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)	2	1	4				26		21	1120187	GDTC-QP
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)	3	1	4				26		21	1120188	GDTC-QP
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)	1	1	4				26		21		GDTC-QP
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)	2	1	4				26		21	1120190	GDTC-QP
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)	3	1	4				26		21	1120191	GDTC-QP
28	1120168	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1(*)	2	3	37		8			82			GDTC-QP
29	1120169	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2(*)	2	2	22		8			52			GDTC-QP
30	1120170	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3(*)	2	2	14			16		44			GDTC-QP

31	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4(*)	2	2	4			56		36		GDTC-QP
I.3. Ngoại ngữ						07						
32	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	30	15				90	1090061	Ngoại ngữ
33	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	40	20				120	1090061	Ngoại ngữ
I.4. Khoa học xã hội						04						
34	1150422	Khởi nghiệp	5	2	20	5	10			55		TC-NH & QTKD
35	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	2	18		4	20		60		KHXH&NV
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						111						
II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành						27						
36	1050241	Tin học cơ sở (Xã hội)	1	3	30			30		75		CNTT
37	1060018	Cơ sở văn hoá Việt Nam	1	2	25		10			55		KHXHNV
38	1060160	Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm 1	1	3	40		10			85		KHXHNV
39	1060161	Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm 2	3	3	40		10			85	1060160	KHXHNV
40	1060020	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	2	25		10			55		KHXHNV
41	2030017	Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt	3	2	25		10			55		KHXHNV
42	2030018	Tác phẩm và thể loại văn học	3	3	40		10			85		KHXHNV
43	2030016	Tiến trình văn học Việt Nam	2	3	40		10			85		KHXHNV
44	2030020	Tiến trình văn học thế giới	4	3	40		10			85		KHXHNV
45	2030174	Văn học dân gian Việt Nam	1	3	40		10			85		KHXHNV
II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành						43						
II.2.1. Kiến thức ngành						33						
II.2.1a. Phần bắt buộc						29						
46	1060099	Văn học trung đại Việt Nam 1	2	3	40		10			85		KHXHNV
47	1060100	Văn học trung đại Việt Nam 2	3	3	40		10			85	1060099	KHXHNV
48	1060088	Văn học hiện đại Việt Nam 1	4	2	25		10			55	1060100	KHXHNV
49	1060089	Văn học hiện đại Việt Nam 2	5	3	40		10			85	1060088	KHXHNV
50	1060090	Văn học hiện đại Việt Nam 3	6	3	40		10			85	1060089	KHXHNV
51	2030173	Văn học Trung Quốc	4	3	40		10			85		KHXHNV
52	2030019	Văn học Ấn Độ - Nhật Bản	3	2	25		10			55		KHXHNV
53	2030021	Văn học phương Tây	4	2	25		10			55		KHXHNV
54	2030030	Văn học Nga	6	2	25		10			55		KHXHNV
55	1060047	Ngữ âm tiếng Việt	3	2	25		10			55		KHXHNV
56	1060079	Từ vựng, ngữ nghĩa tiếng Việt	4	2	25		10			55		KHXHNV
57	2030026	Ngữ pháp tiếng Việt	5	2	25		10			55		KHXHNV
II.2.1b. Phần tự chọn			<i>Chọn 4/12 TC</i>			04						
58	1060177	Văn học dân gian trong mối quan hệ giữa văn học và văn hoá	4	2	25		10			55		KHXHNV
59	2030022	Văn học trào phúng thời trung đại Việt Nam	4	2	25		10			55		KHXHNV
60	2030023	Một số khuynh hướng phê bình văn học đương đại Việt Nam	4	2	25		10			55		KHXHNV
61	2030024	Văn học Đông Nam Á trong tiến trình hội nhập của Việt Nam	4	2	25		10			55		KHXHNV
62	1060048	Ngữ dụng học	4	2	25		10			55		KHXHNV
63	2030025	Ngôn ngữ văn hoá trong các thể loại văn học Hán Nôm Việt Nam	4	2	25		10			55		KHXHNV
II.2.2. Kiến thức chuyên ngành						10						

II.2.a. Phần bắt buộc				6													
64	2030027	Nhập môn các loại hình báo chí	5	2	25		10				55						KHXHNV
65	2030170	Lịch sử báo chí Việt Nam	5	2	25		10				55						KHXHNV
66	1060200	Thể loại báo chí	5	2	25		10				55						KHXHNV
II.2.b. Phần tự chọn				<i>Chọn 4/6 TC</i>				4									
67	2030035	Nhập môn quan hệ công chúng	7	2	25		10				55						KHXHNV
68	2030036	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	7	2	25		10				55						KHXHNV
69	2030037	Pháp luật về báo chí, truyền thông đại chúng	7	2	25		10				55						LLCT -Luật và QLNN
II.3. Kiến thức bổ trợ								35									
II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp								30									
70	2030038	Nghiệp vụ phóng viên	7	2	25		10				55						TG
71	2030031	Biên tập văn bản báo chí	6	2	20	5	10				55						KHXHNV
72	2030032	Kỹ năng viết báo	6	2	20	5	10				55						KHXHNV
73	2030039	Kỹ năng phỏng vấn và tường thuật báo chí	7	2	20	5	10				55						KHXHNV
74	2030040	Kỹ năng viết cho phát thanh, truyền hình	7	2	20	5	10				55						TG
75	2030033	Thực tế văn học và báo chí	6	2	15	10		10			50						KHXHNV
76	2030034	Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông	6	2	25		10				55						TG
77	2030041	Dẫn chương trình truyền hình	7	2	20	5	10				55						TG
78	2030042	Báo chí và tổ chức sự kiện	7	2	25		10				55						KHXHNV
79	2030043	Báo chí về văn hoá và nghệ thuật	7	2	25		10				55						KHXHNV
80	2030044	Văn hoá truyền thông	7	2	25		10				55						KHXHNV
81	2030028	Ngôn ngữ báo chí	5	2	25		10				55						KHXHNV
82	2030029	Phong cách học tiếng Việt và phong cách ngôn ngữ báo chí	6	2	25		10				55						KHXHNV
83	1060044	Ngôn ngữ học văn bản	6	2	25		10				55						KHXHNV
84	2030045	Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông	7	2	25		10				55						TG
II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp								05									
85	2030046	Thực tập tốt nghiệp	8	5													TT
II.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế								06									
86	2030051	Khóa luận tốt nghiệp	8	6													
		Học phần thay thế	8	6													
		Học phần bắt buộc		2													
87	2030047	Chuyên đề Văn học Việt Nam	8	2	25		10				55						KHXHNV
<i>Các học phần tự chọn: Chọn 4/6 TC</i>								4									
88	2030048	Chuyên đề ứng dụng văn học và văn hoá	8	2	25		10				55						KHXHNV
89	2030049	Báo chí truyền thông và các loại hình nghệ thuật	8	2	25		10				55						KHXHNV
90	2030050	Chính luận và chính luận nghệ thuật	8	2	25		10				55						KHXHNV
Tổng cộng								135									

Ghi chú: (*) Học phần điều kiện

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy





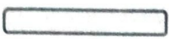
* Ghi chú: Không tính các học phần điều kiện (GDTC, GDQP-AN)

Danh sách các học phần tự chọn

Tự chọn 1 (4/12 TC)	VHDG trong mệh văn học - văn hóa	VH trào phúng thời trung đại VN	Một số k.hướng pb vh đương đại VN	VH ĐNA trong t.trình hội nhập	Ngữ dụng học	N.ngữ vh trong các thể loại VHVN
Tự chọn 2 (4/6 TC)	Nhập môn quan hệ công chúng	XHH truyền thông đại chúng và DLXH	Pháp luật về b.c - truyền thông đại chúng			
Tự chọn 3 (4/6 TC)	CD ứng dụng văn học và văn hóa	B.c truyền thông và các loại hình NT	Chính luận và chính luận NT			

Chú thích:

	Khối kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức bổ trợ
--	-----------------------------------	--	------------------

	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành		Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế
	Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)	→	Học phần học trước
Tên học phần (x,y)	x: Số tín chỉ lý thuyết y: Số tín chỉ thí nghiệm – thực hành	----->	Học phần song hành

2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

TT	Mã HP	Tên học phần	PLOs													
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	1130299	Triết học Mác Lênin	M								M		M	M	M	
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	M								M		M	M	M	
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	M								M	M	M			M
4	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	M								M		M		M	
5	1130302	Lịch sử Đảng CSVN	M								M		M		M	
6	1130049	Pháp luật đại cương	M								M		M	M		
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)	L					L							M	
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	L					L							M	
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	M					M							M	
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)	L					L							M	
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)	L					L							M	
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)	M					M							M	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	L					L							M	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	L					L							M	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	M					M							M	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	L					L							M	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	L					L							M	
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	M					M							M	
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	L					L							M	
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	L					L							M	
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	M					M							M	
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	L					L							M	
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	L					L							M	
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	M					M							M	
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	L					L							M	
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	L					L							M	
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	M					M							M	

28	1120168	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1	L					L						L	M		
29	1120169	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2	L					L						L	M		
30	1120170	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3	L					M						L	M		
31	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4	L					M						L	M		
32	1090061	Tiếng Anh 1		L							L				M		
33	1090166	Tiếng Anh 2		M							M				M		
34	1150422	Khởi nghiệp	L								M			M	M	M	
35	2030003	Kỹ năng giao tiếp	L					M			M	M	M	M	M		M
36	1050241	Tin học cơ sở	M						M						M		
37	1060018	Cơ sở văn hoá Việt Nam	L	L	M	M									M		
38	1060160	Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm 1	M	M		M					M			M	M		
39	1060161	Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm 2	M	M		M					M			M	M		
40	1060020	Dẫn luận ngôn ngữ học	M	M	M	M		M			M				M		
41	2030017	Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt	M	M	M	M					M	M			M		
42	2030018	Tác phẩm và thể loại văn học	M	M								M			M		
43	2030016	Tiến trình văn học Việt Nam	M	M	M	M					M				M		
44	2030020	Tiến trình văn học thế giới	M	M	M						M				M		
45	2030174	Văn học dân gian Việt Nam	M		M						M				M	M	
46	1060099	Văn học trung đại Việt Nam 1	M	M	M						M				M	M	
47	1060100	Văn học trung đại Việt Nam 2	M	M	M	M					M				M	M	
48	1060088	Văn học hiện đại Việt Nam 1	M	M	M	M					M				M		
49	1060089	Văn học hiện đại Việt Nam 2	M	M	M	M		M							M		
50	1060090	Văn học hiện đại Việt Nam 3	M	M	M	M					M				M		
51	2030173	Văn học Trung Quốc	M	M	M	M									M		
52	2030019	Văn học Ấn Độ - Nhật Bản	M	M	M										M		
53	2030021	Văn học phương Tây	M		M	M						M			M	M	
54	2030030	Văn học Nga	M		M	M						M			M	M	
55	1060047	Ngữ âm tiếng Việt	M	M	M	M					M				M	M	
56	1060079	Từ vựng, ngữ nghĩa tiếng Việt	M	M	M	M		M			M				M	M	
57	2030026	Ngữ pháp tiếng Việt	M	M	M	M		M							M		
58	1060177	Văn học dân gian trong mối quan hệ giữa văn học và văn hoá	M	M		M						M			M	M	
59	2030022	Văn học trào phúng thời trung đại Việt Nam	M	M		M						M	M		M		
60	2030023	Một số khuynh hướng phê bình văn học đương đại Việt Nam	M	M	M	M									M		
61	2030024	Văn học Đông Nam Á trong tiến trình hội nhập của Việt Nam	M	M	M										M	M	
62	1060048	Ngữ dụng học	M	M		M					M				M	M	
63	2030025	Ngôn ngữ văn hoá trong các thể loại văn học Hán Nôm Việt Nam	M	M	M	M						M			M		
64	2030027	Nhập môn các loại hình báo chí	M	M	M	M						M	M		M		
65	2030170	Lịch sử báo chí Việt Nam	M	M	M	M						M			M		
66	1060200	Thể loại báo chí	M	M	M	M		M				M	M		M		
67	2030035	Nhập môn quan hệ công chúng	M	M	M	M						M	M		M		
68	2030036	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội		M										M	M	M	M

69	2030037	Pháp luật về báo chí, truyền thông đại chúng	M	M	M			M					M	M
70	2030038	Nghiệp vụ phóng viên	M	M	M	M					M	M	M	
71	2030031	Biên tập văn bản báo chí	M	M	M	M					M		M	
72	2030032	Kỹ năng viết báo	M	M							M	M	M	
73	2030039	Kỹ năng phỏng vấn và tường thuật báo chí	M	M							M	M	M	
74	2030040	Kỹ năng viết cho phát thanh, truyền hình	M	M	M	M						M	M	
75	2030033	Thực tế văn học và báo chí	M		M						M	M	M	
76	2030034	Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông	M	M	M	M					M		M	M
77	2030041	Dẫn chương trình truyền hình	M	M	M	M							M	M
78	2030042	Báo chí và tổ chức sự kiện	M	M	M			M			M		M	M
79	2030043	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	M	M	M								M	M
80	2030044	Văn hoá truyền thông	M	M	M	M							M	H
81	2030028	Ngôn ngữ báo chí	M	M	M	M					M		M	M
82	2030029	Phong cách học tiếng Việt và phong cách ngôn ngữ báo chí	M	M	M	M		M			M		M	M
83	1060044	Ngôn ngữ học văn bản	M	M	M	M		M			M		M	M
84	2030045	Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông	M	M							M	M	M	M
85	2030046	Thực tập tốt nghiệp				H					H		M	M
86	2030051	Khóa luận tốt nghiệp		M	H	H					M	M	M	M
87	2030047	Chuyên đề Văn học Việt Nam	M	M	M	M		H			M	M	M	M
88	2030048	Chuyên đề ứng dụng văn học và văn hoá		M	H	H		M				M	M	M
89	2030049	Báo chí truyền thông và các loại hình nghệ thuật	M	M	M	M					M	M	M	M
90	2030050	Chính luận và chính luận nghệ thuật	M	M	M	H							M	M

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

1. [1130299], [Triết học Mác Lênin], [3TC]

Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác- Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

2. [1130300], [Kinh tế chính trị Mác Lênin], [2TC]

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp

ngiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. [1130301], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [2TC]

Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.

4. [1130091], [Tư tưởng Hồ Chí Minh], [2TC]

Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, nhân văn Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

5. [1130302], [Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam], [2TC]

Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về sự lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng và các lĩnh vực cụ thể trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta. Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin, góp phần tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

6. [1130049], [Pháp luật đại cương], [2TC]

Học phần trình bày các vấn đề lí luận cơ bản về nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; trang bị cho người học kiến thức đại cương về các vấn đề: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu nhà nước; Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu pháp luật; Cơ chế điều chỉnh pháp luật...

7. [1120172], [Giáo dục thể chất 1 – Bóng đá 1], [Mỗi 1 TC]

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tổ chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.

8. [1120175], [Giáo dục thể chất 1– Bóng chuyền 1], [1TC]

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các

nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyền bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyền.

9. [1120178], [Giáo dục thể chất 1– Bóng rổ 1], [1TC]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

10. [1120184], [Giáo dục thể chất 1– Võ cổ truyền Việt Nam 1], [1TC]

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.

11. [1120187], [Giáo dục thể chất 1 – Võ Taekwondo 1], [1TC]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

12. [1120190], [Giáo dục thể chất 1– Võ Karatedo 1], [1TC]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát

triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

13. [1120181], [Giáo dục thể chất 1 – Cầu lông 1], [1TC]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

14. [1120173], [Giáo dục thể chất 2 – Bóng đá 2], [1TC]

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.

15. [1120176], [Giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền 2], [1TC]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập bổ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyền bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.

16. [1120179], [Giáo dục thể chất 2 – Bóng rổ 2], [1TC]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

17. [1120186], [Giáo dục thể chất 2 – Võ cổ truyền Việt Nam 2], [1TC]

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.

18. [1120188], [Giáo dục thể chất 2 – Võ Taekwondo 2], [1TC]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

19. [1120191], [Giáo dục thể chất 2 – Võ Karatedo 2], [1TC]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

20. [1120182], [Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông 2], [1TC]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

21. [1120174], [Giáo dục thể chất 3 – Bóng đá 3], [1TC]

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tâng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.

22. [1120177], [Giáo dục thể chất 3 – Bóng chuyền 3], [1TC]

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyền. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật

chấn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.

23. [1120180], [Giáo dục thể chất 3 – Bóng rổ 3], [1TC]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.

24. [1120186], [Giáo dục thể chất 3 – Võ cổ truyền Việt Nam 3], [1TC]

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng dẫn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.

25. [1120189], [Giáo dục thể chất 3 – Võ Taekwondo 3], [1TC]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

26. [1120192], [Giáo dục thể chất 3 – Võ Karatedo 3], [1TC]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

27. [1120183], [Giáo dục thể chất 3 – Cầu lông 3], [1TC]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

28. [1120168], [Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1], [3TC]

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

29. [1120169], [Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2], [2TC]

Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

30. [1120170], [Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3], [2TC]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.

31. [1120171], [Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4], [2TC]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

32. [1090061], [Tiếng Anh 1], [3TC]

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, *Tiếng Anh 1*, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

33. [1090166], [Tiếng Anh 2], [4TC]

Học phần kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 nhằm vào các mục tiêu sau đây: Hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất nhưng ở mức độ cao hơn Tiếng Anh 1 về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng văn bản và giao tiếp tiếng Anh; Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những yếu tố văn hóa, ngôn ngữ thông dụng ở mức độ cao hơn Tiếng Anh 1 để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh; Giúp sinh viên rèn luyện và phát triển ngữ năng giao tiếp, nhất là các kỹ năng đàm thoại trong các tình huống thông dụng và kỹ năng đọc - viết phức tạp hơn.

34. [1150422], [Khởi nghiệp], [2 TC]

Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.

35. [2030003], [Kỹ năng giao tiếp], [2 TC]

Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.

36. [1050241], [Tin học cơ sở], [2 TC]

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành Khoa học xã hội. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành khoa học xã hội, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.

37. [1060018], [Cơ sở văn hóa Việt Nam], [2 TC]

Học phần cung cấp những khái niệm chung và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng. Đồng thời, học phần cũng trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu những vấn đề của văn hóa Việt Nam.

38. [1060160], [Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm 1], [3 TC]

Nội dung cơ bản của học phần là chuyên sâu ngữ nghĩa và tính hoạt dụng của hệ thống từ ngữ của các văn bản văn học cổ điển Việt Nam (bao gồm cả chữ Nôm); Ứng dụng những tri thức, hiểu biết về Hán Nôm để phát triển kỹ năng viết, thiết lập và phân tích văn bản báo chí, truyền thông hiện nay.

39. [1060161], [Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm 2], [3 TC]

Học phần mở rộng những kiến thức về đặc điểm ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa của các văn bản văn học cổ điển Việt Nam, hình thành các kỹ năng phân tích văn bản, chú giải văn bản từ góc độ văn học và ngữ liệu văn học. Từ đó, mở rộng kỹ năng đọc hiểu, phân tích các văn bản báo chí trong hoạt động truyền thông dưới nhiều góc độ khác nhau.

40. [1060020], [Dẫn luận ngôn ngữ học], [3 TC]

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, bản thể của ngôn ngữ, nguồn gốc của ngôn ngữ, mối quan hệ ngôn ngữ-tư duy, về hệ thống và các cấp độ, đơn vị của ngôn ngữ; những tri thức căn bản, mở đầu về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa của ngôn ngữ; những thao tác làm việc cần thiết để sinh viên nhận thức được rõ hơn, thực hành tốt hơn về những vấn đề ngôn ngữ nói trên trong hoạt động báo chí.

41. [2030017], [Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt], [2 TC]

Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt là một trong những học phần quan trọng cho sinh viên các ngành đại học, đặc biệt là sinh viên cử nhân ngữ văn chuyên ngành báo chí. Học phần sẽ cung cấp tới người học những tri thức cần thiết cho việc sử dụng tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp, nhất là hoạt động giao tiếp bằng văn bản.

42. [2030018], [Tác phẩm và thể loại văn học], [3 TC]

Học phần giúp người học nắm vững những đặc trưng cơ bản của tác phẩm và thể loại văn học; từ đó vận dụng vào thực tiễn học tập, nghiên cứu và đào tạo kỹ năng, mở rộng những ứng dụng trong các hoạt động truyền thông, báo chí.

43. [2030016], [Tiền trình văn học Việt Nam], [3 TC]

Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản của Văn học Việt Nam theo tiến trình vận động của các thời đại lịch sử, trào lưu văn học, phương pháp sáng tác với những tác gia, tác phẩm qua các thời kỳ. Từ đó, giúp ích cho sinh viên có những kiến thức cơ sở, phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp, nhất là hoạt động trong lĩnh vực truyền thông văn hóa – văn nghệ.

44. [2030020], [Tiền trình văn học thế giới], [3 TC]

Môn học chưa đi sâu vào kiến thức cụ thể ở từng tác gia – tác phẩm văn học mà các học phần chuyên biệt đảm nhận. Môn học bao gồm những kiến thức cơ bản, tổng quan về diện mạo văn học thế giới về các mặt: tiến trình văn học thế giới và những tiến bộ nghệ thuật với những tính vĩnh hằng của các giá trị thẩm mỹ, tâm vóc, sự đa dạng phong phú, tương quan giữa văn học thế giới với các loại hình khác, với văn học dân tộc trên góc độ văn học so sánh, những đỉnh cao văn học thế giới và triển vọng ngày mai. Từ đó, giúp ích cho sinh viên chuyên ngành báo chí, truyền thông, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa – văn nghệ.

45. [2030174], [Văn học dân gian Việt Nam], [3 TC]

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức khái quát về văn học dân gian trong mối quan hệ với văn hoá, những đặc trưng và giá trị cơ bản của văn học dân gian; các thể loại chủ yếu, các vùng và các thời kì phát triển của văn học dân gian Việt Nam; rèn kĩ năng tiếp cận và phân tích các tác phẩm văn học dân gian, ứng dụng kiến thức văn học dân gian trong hoạt động truyền thông.

46. [1060099], [Văn học trung đại Việt Nam 1], [3 TC]

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức khái quát về sự phát triển của văn học trung đại Việt Nam: các bộ phận văn học, các giai đoạn phát triển, những thể loại chính, những nội dung chính, những tư tưởng thẩm mỹ chủ đạo; các hiện tượng văn học, sự kiện văn học, các tác gia tiêu biểu của văn học Lý Trần, văn học thế kỷ XV, văn học thế kỷ XVI và XVII; rèn luyện kỹ năng tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học trung đại cũng như các văn bản liên quan.

47. [1060100], [Văn học trung đại Việt Nam 2], [3 TC]

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX: trào lưu nhân đạo chủ nghĩa, những thành tựu lớn ở cả sáng tác chữ Hán và Nôm, thành tựu nghệ thuật rực rỡ ở thể loại văn học dân tộc viết bằng ngôn ngữ dân tộc, các tác gia tiêu biểu; tiếp tục rèn luyện kỹ năng tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.

48. [1060088], [Văn học hiện đại Việt Nam 1], [2 TC]

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức căn bản về quá trình chuyển đổi loại hình văn học từ trung đại sang hiện đại. Đặc biệt chú ý đến quá trình hiện đại hoá văn học và sự chuẩn

bị những tiền đề văn hoá, văn học cho sự ra đời của các trào lưu và thể loại trong văn học các giai đoạn sau; đặc biệt chú ý đến các thể tài báo chí.

49. [1060089], [Văn học hiện đại Việt Nam 2], [3 TC]

Học phần giúp sinh viên tiếp tục trang bị những kiến thức chung về văn học hiện đại Việt Nam một cách có hệ thống. Trên cơ sở đó rèn luyện kỹ năng tự nghiên cứu, tìm hiểu và phân tích một tác giả, tác phẩm văn chương cụ thể trong giai đoạn này. Giúp sinh viên nắm được quá trình vận động, quy luật phát triển, những thành tựu nổi bật của ba khuynh hướng văn học từ năm 1932 đến năm 1945: văn học lãng mạn, văn học hiện thực và văn học cách mạng. Từ đó rút ra ý nghĩa nhân văn, nhân đạo cao cả mà văn học hướng tới cho con người, nhằm bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu dân tộc cho sinh viên. Giúp sinh viên nắm được những đóng góp cơ bản của các tác giả văn học tiêu biểu trong giai đoạn này: Thạch Lam, Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Hồ Chí Minh... đối với sự phát triển của lịch sử văn học dân tộc. Có chú trọng đến vai trò của báo chí, truyền thông đối với tiến trình phát triển văn học thời kỳ này.

50. [1060090], [Văn học hiện đại Việt Nam 3], [3 TC]

Học phần có mục đích giúp người học nắm vững các vấn đề sau: Văn học sử thời kì văn học 1945 – 1975: tiến trình, thành tựu và các đặc điểm của thơ và văn xuôi thời kì 1945 – 1975. Giới thiệu các tác gia, tác giả tiêu biểu cho mỗi chặng đường phát triển của văn học. Tập dượt tìm hiểu các tác phẩm được đưa vào chương trình lớp 12 bậc THPT của thời kì văn học 1945 – 1975; ứng dụng vào báo chí văn nghệ.

51. [2030173], [Văn học Trung Quốc], [3 TC]

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm, tiến trình văn học Trung Quốc, từ cổ đại đến hiện đại trên các phương diện đặc trưng thể loại, các môtip nhân vật, những tác gia tiêu biểu. Những ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đối với văn học VN, rèn kỹ năng phân tích, tìm hiểu văn học Trung Quốc. Từ đó, có cái nhìn liên ngành, mở rộng cho các hoạt động truyền thông, báo chí.

52. [2030019], [Văn học Ấn Độ - Nhật Bản], [2 TC]

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về sự phát triển của văn học Ấn Độ - Nhật Bản: đặc điểm, tiến trình, đặc trưng thể loại, các môtip nhân vật, những tác gia tiêu biểu, sự ảnh hưởng của văn học Ấn Độ - Nhật Bản đối với văn học Việt Nam. Rèn kỹ năng phân tích một số tác phẩm tiêu biểu văn học Ấn Độ - Nhật Bản; có thêm cái nhìn rộng mở trong một thế giới mở.

53. [2030021], [Văn học phương Tây], [2 TC]

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc văn học phương Tây trên các phương diện tiến trình lịch sử, trào lưu, thể loại... tập trung vào sáng tác của những tác gia tiêu biểu, những ảnh hưởng của văn học phương Tây đối với văn học Việt Nam. Từ đó, hình

thành các kiến thức, kỹ năng truyền thông cần thiết cho hoạt động báo chí, phê bình văn nghệ.

54. [2030030], [Văn học Nga], [2 TC]

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm, tiến trình văn học Nga thế kỷ XX trên các phương diện hệ vấn đề, các môtip nhân vật, những khuynh hướng phong cách thể loại của những tác gia tiêu biểu, những ảnh hưởng qua lại của văn học Nga đối với văn học Việt Nam, rèn kỹ năng phân tích, tìm hiểu văn học Nga. Qua đó, có những kiến thức cần thiết, ứng dụng vào các hoạt động truyền thông cần thiết.

55. [1060047], [Ngữ âm tiếng Việt], [2 TC]

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về ngữ âm và ngữ âm học, các đơn vị ngữ âm, âm tiết và thanh điệu tiếng Việt ; các đơn vị ngữ âm đoạn tính; vấn đề chính âm và chữ viết... giúp sinh viên hình thành các kỹ năng cần thiết về ngữ âm, ứng dụng trong sử dụng ngôn ngữ báo chí.

56. [1060079], [Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt], [2 TC]

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về các đơn vị từ vựng và các đặc điểm của từ tiếng Việt; các thành phần ý nghĩa trong từ và hệ thống ngữ nghĩa của từ tiếng Việt. Thông qua đó, giúp sinh viên làm giàu thêm vốn từ, giúp ích cho hoạt động truyền thông, báo chí.

57. [2030026], [Ngữ pháp tiếng Việt], [2 TC]

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản của ngữ pháp tiếng Việt như từ và cấu tạo từ; các loại từ, cụm từ, các loại câu và ý nghĩa của câu trong tiếng Việt cùng các quy tắc tạo câu... Qua đó, giúp sinh viên Văn học chuyên ngành Báo chí nắm vững về ngữ pháp tiếng Việt và có khả năng ứng dụng trong hoạt động chuyên môn.

58. [1060177], [VHDG trong mối quan hệ giữa văn học và văn hóa], [2 TC]

Chuyên đề cung cấp cho sinh viên kỹ năng vận dụng những hiểu biết về văn học dân gian và văn hóa Việt Nam vào việc tìm hiểu, phân tích, bình giảng những tác phẩm văn học dân gian nói chung và những tác phẩm văn học dân gian được giảng dạy trong nhà trường phổ thông nói riêng dưới góc nhìn văn hóa. Qua đó, thấy được mối quan hệ qua lại giữa văn hoá và văn học trong sáng tác văn học dân gian của cha ông, thấy được những tác phẩm văn học dân gian là hồn cốt của một dân tộc; có khả năng ứng dụng trong hoạt động nghề nghiệp văn hóa – truyền thông.

59. [2030022], [Văn học trào phúng thời trung đại Việt Nam], [2 TC]

Văn học trào phúng Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX là môn chuyên ngành cơ bản, giúp sinh viên ngành Ngữ văn có được những kiến thức chuyên sâu về văn học trung đại Việt Nam ở giai đoạn cuối cùng của nền văn học viết trung đại Việt Nam. Môn học đi vào tìm hiểu, phân tích kỹ một bộ phận văn học vô cùng phát triển ở cuối thế kỉ XIX, bộ phận văn học có sự

góp mặt của nhiều đại thụ trong nền văn học trung đại Việt Nam như Tú Xương, Nguyễn Khuyến, Kép Trà, Nguyễn Quý Tân, Học Lạc, Đỗ Minh Tâm... Qua đó, có những kỹ năng nghề nghiệp liên quan đến các hoạt động chuyên ngành có liên quan đến chủ đề này.

60. [2030023], [Một số khuynh hướng phê bình văn học đương đại Việt Nam], [2 TC]

Phê bình văn học là một bộ phận quan trọng của đời sống văn học hiện đại, đặc biệt là trong những giai đoạn diễn ra sự biến đổi to lớn của xã hội và văn học. Từ sau 1975 đến nay, nhất là từ thời kì đổi mới, hoạt động phê bình văn học đã diễn ra rất sôi động với nhiều hình thức biểu hiện phong phú, tác động đến nhiều mặt của đời sống văn học. Vì thế, học phần *Một số khuynh hướng phê bình văn học đương đại Việt Nam* sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức bao quát về tình hình và những vấn đề của phê bình văn học đương đại Việt Nam, trong đó tập trung vào những khuynh hướng phê bình chính của văn học giai đoạn này. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên có những nhận định khái quát về thành tựu và hạn chế của phê bình văn học đương đại Việt Nam. Học phần giúp nâng cao khả năng phê bình văn học nghệ thuật, kỹ năng viết báo về đề tài văn nghệ.

61. [2030024], [Văn học Đông Nam Á trong tiến trình hội nhập của Việt Nam], [2 TC]

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, liên ngành của văn học Đông Nam Á trong mối quan hệ, tương tác đa chiều với tiến trình hội nhập của văn học Việt Nam. Từ đó, mở rộng kiến thức, hiểu biết và kỹ năng trong tiến trình hội nhập đa chiều văn hóa – văn học, giúp ích cho việc viết lách, báo chí

62. [1060048], [Ngữ dụng học], [2 TC]

Nội dung học phần bao gồm những vấn đề khái quát về ngữ dụng học, về ý nghĩa chiếu vật và chỉ xuất của ngôn ngữ, các hành vi ngôn ngữ, về lí thuyết lập luận, lí thuyết hội thoại, về ý nghĩa hàm ẩn và ý nghĩa tường minh của phát ngôn. Học phần mở rộng kiến thức và hình thành kỹ năng chuyên sâu về khả năng lập luận, mở rộng những khả thể của phát ngôn.

63. [2030025], [Ngôn ngữ văn hóa trong các thể loại văn học Hán Nôm Việt Nam], [2 TC]

Học phần tìm hiểu những vấn đề cơ bản của loại hình ngôn ngữ văn hóa trong các thể loại văn học Hán Nôm Việt Nam. Từ đó, cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu, liên ngành về ngôn ngữ văn hóa và các thể loại văn học Hán Nôm trong mối quan hệ đa chiều, giúp ích cho hoạt động truyền thông báo chí, đặc biệt là lĩnh vực văn hóa – văn hóa.

64. [2030027], [Nhập môn các loại hình báo chí], [2 TC]

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khái quát về các loại hình báo chí, truyền thông. Từ đó, giúp sinh viên hình thành những hiểu biết và kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp báo chí.

65. [2030170], [Lịch sử báo chí Việt Nam], [2 TC]

Học phần cung cấp cho người học về sự ra đời và tiến trình phát triển báo chí Việt Nam qua từng giai đoạn lịch sử dân tộc từ 1865 đến nay. Đồng thời người học nắm được mối quan hệ giữa chính trị với báo chí, văn hóa với báo chí và với sự phát triển của xã hội. Đặc biệt báo chí với sự tiếp xúc văn hóa Đông Tây có ảnh hưởng đến sự thay đổi về văn hóa và cơ cấu xã hội (giai đoạn đầu thế kỷ XX); vai trò của báo chí trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng đất nước. Học phần cũng giúp cho người học hiểu được quá trình phát triển của nghệ thuật làm báo, trang bị cho người học các phương pháp, kỹ năng trong việc đánh giá, phân tích các tờ báo dưới nhiều góc độ khác nhau, từ đó có thể rút ra những bài học giá trị cho nghề nghiệp sau này.

66. [1060200], [Thể loại báo chí], [2 TC]

Học phần tập trung vào những vấn đề cơ bản về khái niệm, đặc điểm và các cách phân chia thể loại báo chí ở các nhóm tiêu biểu như: Nhóm thể loại thông tấn (Tin vắn, Tin ngắn, Tin sâu, Tin tổng hợp, Tin công báo, Tường thuật, Phóng vấn), Nhóm thể loại chính luận (Bình luận, Chuyên luận, Xã luận), Nhóm thể loại chính luận nghệ thuật (Phóng sự, Phóng sự điều tra, Kí sự, Kí sự chân dung, Tiểu phẩm).

67. [2030035], [Nhập môn quan hệ công chúng], [2 TC]

Nhập môn Quan hệ Công chúng là môn học cung cấp kiến thức cơ bản về Quan hệ Công chúng. Môn học đề cập đến những nội dung, quy trình và công cụ chính được sử dụng trong lĩnh vực PR. Nội dung của môn học bao gồm: PR và vai trò của nó trong hoạt động của doanh nghiệp; Quy trình hoạch định chương trình PR; Các công cụ thực thi chính của PR; Đánh giá hiệu quả chương trình PR. Ngoài ra, môn học còn giúp người học tìm hiểu các hoạt động PR cụ thể trong doanh nghiệp và những yêu cầu đối với người làm nghề PR. Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

68. [2030036], [Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội], [2 TC]

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội: khái niệm, đặc điểm, tính chất. Từ đó, giúp sinh viên có những hiểu biết và kỹ năng cơ bản về truyền thông đại chúng và dư luận xã hội; có kỹ năng và ứng dụng trong công việc, nghề nghiệp.

69. [2030037], [Pháp luật về báo chí, truyền thông đại chúng], [2 TC]

Học phần cung cấp những kiến thức cơ sở và hệ thống văn bản về pháp luật báo chí, truyền thông đại chúng; từ đó nâng cao năng lực nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Văn học (chuyên ngành Báo chí).

70. [2030038], [Nghề nghiệp phóng viên], [2 TC]

Môn học đi sâu vào đặc thù lao động của phóng viên (yêu cầu, tính chất công việc, yêu cầu về phẩm chất, năng lực) và các kỹ năng cụ thể trong quá trình lao động tích lũy và quá

trình lao động tác nghiệp, từ cách xây dựng các mối quan hệ, thiết lập và duy trì hệ thống nguồn tin, phát hiện đề tài, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin đến các bước hoàn thiện một sản phẩm báo chí....

71. [2030031], [Biên tập văn bản báo chí], [2 TC]

Biên tập văn bản báo chí là môn học về hoạt động nghiệp vụ của bộ phận biên tập trong các toà soạn báo hiện nay, trong đó tập trung chủ yếu vào công tác biên tập ngôn ngữ văn bản báo chí. Với những nội dung trên, Biên tập văn bản báo chí hướng tới mục tiêu cung cấp cho người học những hiểu biết căn bản nhất về các hoạt động nghiệp vụ biên tập tại các toà soạn; về các khâu, các kỹ thuật... để biên tập một văn bản báo chí. Từ đó, môn học hình thành ở người học ý thức và khả năng tự biên tập; kỹ năng phối hợp hoạt động với bộ phận biên tập. Cùng các môn học khác, Biên tập văn bản báo chí cũng góp phần xây dựng ý thức tác nghiệp chủ động, độc lập, sáng tạo ở mỗi người học.

72. [2030032], [Kỹ năng viết báo], [2 TC]

Môn học đi sâu vào các kỹ năng cụ thể trong quá trình thực hiện viết báo, từ phát hiện đề tài, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin đến các bước hoàn thiện một sản phẩm báo chí....

73. [2030039], [Kỹ năng phỏng vấn và tường thuật báo chí], [2 TC]

Kỹ năng phỏng vấn và tường thuật báo chí là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về phỏng vấn báo chí, tường thuật báo chí, và bước đầu hình thành cho sinh viên một số kỹ năng thiết yếu để làm phỏng vấn và tường thuật báo chí. Nội dung của môn học bao gồm: Tổng quan những vấn đề lí thuyết về phỏng vấn và tường thuật báo chí; Phương pháp phỏng vấn và câu hỏi phỏng vấn; Quy trình, kỹ năng làm phỏng vấn trên các loại hình báo chí; Kỹ năng làm tường thuật báo chí. Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận và thực hành một số vấn đề.

74. [2030040], [Kỹ năng viết cho phát thanh truyền hình], [2 TC]

Học phần giúp sinh viên tiếp tục trang bị những kiến thức chung về kỹ năng viết bài, bản tin cho phát thanh, truyền hình. Trên cơ sở đó rèn luyện kỹ năng tự nghiên cứu, tìm hiểu và phân tích một vấn đề, sự kiện chính trị – văn hóa – xã hội cụ thể trên tất cả các địa điểm và thời điểm của đời sống.

75. [2030033], [Thực tế văn học và báo chí], [2 TC]

Môn học *Thực tế* cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thực tập thực tế về hoạt động nghiên cứu văn học, giảng dạy văn học, các hoạt động báo chí (phóng viên, biên tập, dựng chương trình...), các hoạt động sáng tác (các thể loại văn học nghệ thuật). Môn học cũng giúp sinh viên có các kỹ năng nghiệp vụ cụ thể: tổ chức cấu trúc và thực hiện bài nghiên cứu văn học, thiết kế bài giảng và thực hành giảng dạy văn học, cách lấy tin và viết tin, biên tập bài báo in, báo nói, báo hình, thực hiện các sáng tác văn chương nghệ thuật. Môn học còn

trang bị cho sinh viên phương pháp khoa học trong cách đánh giá, nhận xét, cách phát hiện, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề một cách khách quan, đúng đắn.

76. [2030034], [Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông], [2 TC]

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, hình thành các kỹ năng về việc tổ chức các dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông; giúp sinh viên có những kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp.

77. [2030041], [Dẫn chương trình truyền hình], [2 TC]

Dẫn chương trình truyền hình là học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên sâu cho sinh viên báo chí trong lĩnh vực truyền hình. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nhập môn về nghề dẫn chương trình truyền hình đồng thời đi sâu vào một số kỹ năng cơ bản để sinh viên trang bị cho mình trong việc thực hành nghề sau này như kỹ năng phát âm, kỹ năng diễn đạt, kỹ năng thể hiện của một người dẫn chương trình truyền hình.

78. [2030042], [Báo chí và tổ chức sự kiện], [2 TC]

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác tổ chức sự kiện như: qui trình tổ chức, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tổ chức sự kiện; công tác lập kế hoạch, triển khai, giám sát, xử lý tình huống trong quá trình tổ chức một số sự kiện phổ biến trong chuyên ngành Kinh tế gia đình và các kỹ năng cần thiết cho quá trình tổ chức sự kiện.

79. [2030043], [Báo chí về văn hóa và nghệ thuật], [2 TC]

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản trong lĩnh vực báo chí về văn hóa nghệ thuật; từ đó, có cái nhìn liên ngành, hỗ trợ cho việc hình thành các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết trong lĩnh vực truyền thông văn hóa, nghệ thuật.

80. [2030044], [Văn hóa truyền thông], [2 TC]

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa truyền thông, những đặc điểm và phương diện cơ bản của văn hóa truyền thông, sự ứng dụng văn hóa truyền thông vào những hoạt động nghề nghiệp – xã hội.

81. [2030028], [Ngôn ngữ báo chí], [2 TC]

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản liên quan đến ngôn ngữ và ngôn ngữ truyền thông: ngôn ngữ báo chí; những vấn đề về ngữ dụng; đặc điểm ngôn ngữ trong các loại hình báo chí, đặc điểm ngôn ngữ trong các nhóm thể loại báo chí; ngôn ngữ tiêu đề báo chí; vai trò của ngôn ngữ trong truyền thông; đặc điểm chính của ngôn ngữ truyền thông; Cách thức thể hiện của ngôn ngữ truyền thông; v.v.

82. [2030029], [Phong cách học tiếng Việt và phong cách ngôn ngữ báo chí], [2 TC]

Nội dung học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về phong cách chức năng tiếng Việt và các phương thức tu từ trong tiếng Việt. Học phần hình thành kỹ năng đọc hiểu, phân tích, viết lách, ứng dụng trong truyền thông.

83. [1060044], [Ngôn ngữ học văn bản], [2 TC]

Nội dung học phần có các nội dung cơ bản : Lịch sử hình thành và phát triển, đối tượng, nội dung nghiên cứu và các phân ngành của chuyên ngành Ngôn ngữ học văn bản ; những vấn đề lý luận chung về VB; việc nhận diện, phân loại các đơn vị của VB; các phép liên kết văn bản như các phép liên kết duy trì chủ đề, các phép liên kết phát triển chủ đề, các phép liên kết lôgic, các phép liên kết hình thức. Học phần giúp sinh viên nắm vững các kiến thức và kỹ năng cho hoạt động nghề nghiệp: đọc hiểu, phân tích, hình thành các loại hình văn bản.

84. [2030045], [Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông], [2 TC]

Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông là học phần cung cấp cho sinh viên một cách toàn diện và đầy đủ nhất về cơ cấu tổ chức của một cơ quan báo chí truyền thông, bao gồm tất cả các cơ quan báo chí in, phát thanh, truyền hình, hãng tin tức, báo mạng điện tử, các hãng truyền thông và cả xu hướng phát triển của báo chí. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên hiểu rõ bản chất của hoạt động báo chí mà ở đó mỗi trang báo, số báo, chương trình phát thanh, truyền hình, thậm chí là một tác phẩm riêng lẻ là công sức, trí tuệ do nhiều người làm nên.

85. [2030046], [Thực tập cuối khóa], [2 TC]

Học phần sẽ giúp cho sinh viên ngành Cử nhân Văn học có điều kiện tiếp cận và trải nghiệm với thực tế ở các cơ quan báo chí, đài phát thanh - truyền hình, cơ quan văn hóa, văn học - nghệ thuật... Bước đầu hình thành những kỹ năng cần thiết phục vụ cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ sau khi tốt nghiệp, đáp ứng được nhu cầu xã hội.

86. [2030051], [Khóa luận tốt nghiệp], [6 TC]

87. [2030047], [Chuyên đề Văn học Việt Nam], [2 TC]

Học phần giúp sinh viên tiếp tục trang bị những kiến thức chung về thơ Việt Nam nói chung và những đặc điểm thi pháp của thơ Việt Nam hiện đại thế kỷ XX một cách có hệ thống trên cơ sở có sự liên hệ, so sánh để thấy được sự khác biệt với thơ ca trung đại Việt Nam. Trên cơ sở đó học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng tự nghiên cứu, tìm hiểu và phân tích một tác giả thơ, một tác phẩm văn chương cụ thể như một bài thơ trong giai đoạn này. Qua đó, tăng cường khả năng đọc hiểu văn bản, kỹ năng truyền thông về các vấn đề văn hóa – văn nghệ.

88. [2030048], [Chuyên đề ứng dụng văn học và văn hóa], [2 TC]

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và việc ứng dụng văn hóa và văn học trong các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Từ đó, hình thành cho sinh viên những kỹ năng cần thiết cho công việc truyền thông, báo chí.

89. [2030049], [Báo chí truyền thông và các loại hình nghệ thuật], [2 TC]

Báo chí truyền thông và các loại hình nghệ thuật biểu diễn là môn học cung cấp những

kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa báo chí và các loại hình nghệ thuật biểu diễn, và bước đầu hình thành cho sinh viên một số kỹ năng thiết yếu để làm truyền thông về một số loại hình nghệ thuật biểu diễn. Nội dung của môn học bao gồm: Tổng quan về truyền thông các loại hình nghệ thuật biểu diễn trên báo; Nội dung và hình thức truyền thông các loại hình nghệ thuật biểu diễn trên báo; Thực hành truyền thông về một số loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thông trên báo điện tử.

90. [2030050], [Chính luận và chính luận nghệ thuật], [2 TC]

Học phần giúp người học nắm vững những vấn đề cơ bản, bao quát của thể loại báo chí chính luận và chính luận nghệ thuật. Từ đó, có những kỹ năng cần thiết, vận dụng trong công việc, các hoạt động báo chí và truyền thông.

Bình Định, ngày 21 tháng 8 năm 2020

TRƯỜNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HIỆU TRƯỞNG



TS. Lê Xuân Vinh



PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ